HỘI LHPN HUYỆN TRỰC NINH
BAN THƯỜNG VỤ

Số: 56/ CV- BTV
V/v khảo sát chi hội, hội viên phụ nữ sau sắp xếp sáp nhập thôn, xóm, tổ dân phố

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trực Ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Ban Thường vụ Hội LHPN các xã, thị trấn

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2021-2026; Để có sơ sở xây dựng Kế hoạch thực hiện khâu đột phá "Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hội" và "Đồng hành xây dựng chi Hội phụ nữ vững mạnh" đạt hiệu quả và CV số: 168/ BTV-TC, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của BTV Hội LHPN tỉnh về khảo sát chi hội, hội viên phụ nữ sau sắp xếp sáp nhập thôn, xóm, tổ dân, Ban Thường vụ Hội LHPN huyện đề nghị Ban Thường vụ Hội LHPN các xã, thị trấn triển khai rà soát, báo cáo số liệu về cán bộ nữ; chi/tổ Hội, cán bộ chi hội, hội viên phụ nữ sau sắp xếp, sáp nhập thôn (xóm), tổ dân phố, như sau:

1. Thống kê số liệu nữ lãnh đạo chủ chốt cấp ủy, UBND, HĐND và trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể *(Biểu mẫu số 1).*

2. Tình hình, nhu cầu, nguyện vọng đội ngũ chi hội trưởng, cán bộ chi hội sau sắp xếp, sáp nhập thôn (xóm) tổ dân phố. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ Chi hội trưởng thôi công tác theo mục 5-Điều 1, Nghị quyết số 53/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định *(Biểu mẫu số 2,3).*

3. Công tác tập hợp, quản lý hội viên phụ nữ; những khó khăn, kiến nghị đề xuất khi triển khai ứng dụng phần mềm quản lý hội viên trong các cấp Hội *(Biểu mẫu 4,5,6,7,8).*

***Chú ý**: Các số liệu trong bản thống kê nộp về huyện phải trùng khớp với số liệu đã nhập trên phần mềm quản lý hội viên.*

(Đề cương báo cáo và biểu mẫu gửi kèm)

Báo cáo và các biểu mẫu đề nghị gửi về Hội LHPN huyện trước ngày **30/09/2022** theo địa chỉ Email: *phunutrucninh@gmail.com.*

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu: VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH
BAN CHẤP HÀNH

Phạm Thị Hương

HỘI LHPN XÃ/ THỊ TRẤN:.....

BÁO CÁO

Thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ chi hội trưởng, quản lý hội viên phụ nữ sau sắp xếp sát nhập thôn (xóm), tổ dân phố

I. Thực trạng *(tổng hợp báo cáo theo Biểu mẫu gửi kèm)*

II. Những vấn đề đặt ra

1. Về đội ngũ chi hội trưởng

- Chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương về đội ngũ chi hội trưởng;

- Công tác tham mưu, đề xuất của Hội về các vấn đề liên quan đến đội ngũ chi hội trưởng.

- Tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ chi hội trưởng;

- Việc thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ chi hội trưởng đã nghỉ công tác sau sắp xếp, sáp nhập thôn (xóm), tổ dân phố theo mục 5 - Điều 1, Nghị quyết số 53/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Về thu hút, tập hợp quản lý hội viên phụ nữ

- Tình hình triển khai ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ hội viên. Thời gian dự kiến hoàn thành việc cập nhật số liệu trên phần mềm quản lý cán bộ hội viên.

- Những khó khăn, vướng mắc (cụ thể với từng cơ sở).

III. Kiến nghị, đề xuất giải pháp

- Đề xuất các giải pháp cụ thể và cách thức thực hiện nhằm xây dựng đội ngũ chi hội trưởng trong tình hình mới:

- Giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành.

- Giải pháp về các hoạt động hỗ trợ chi hội trưởng.

ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1

BIỂU THỐNG KÊ

Nữ lãnh đạo chủ chốt UBND, HĐND và Trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể các cấp

(Số liệu tính đến tháng 9/2022)

TT	Chức danh	Cấp xã			Ghi chú
		Tổng số	Nữ	Tỷ lệ %	
1	Bí thư cấp ủy				
2	Phó Bí thư				
3	Chủ tịch UBND				
4	Phó chủ tịch UBND				
5	Chủ tịch HĐND				
6	Phó Chủ tịch HĐND				
7	Trưởng các ban, ngành, đoàn thể				
8	Phó các ban, ngành, đoàn thể				

Đơn vị:.....

Biểu số 2

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CHI HỘI TRƯỞNG PHỤ NỮ

(Số liệu cập nhật đến 9/2022)

Tổng số chi hội trưởng: .....;

TT	NỘI DUNG	
1	Tổng số chi hội trưởng hiện đang kiêm nhiệm các công việc có thù lao ~~tại cộng đồng~~	
	- Tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn	
	- Y tế thôn	
	- Cộng tác viên dân số	
	- Công việc kiêm nhiệm khác	
2	Tổng số chi hội trưởng hiện đang đảm nhiệm một trong 3 chức danh được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước (Bí thư chi bộ/Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng ban công tác Mặt trận)	
	- Bí thư chi bộ	
	- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	
	- Trưởng ban công tác Mặt trận	
3	Số chi hội trưởng hiện đang kiêm nhiệm cùng lúc nhiều công việc có thù lao tại cộng đồng (từ 02 chức danh trở lên)	
4	Số chi hội trưởng là cán bộ/công chức/viên chức đã nghỉ hưu	
5	Thâm niên công tác	
	- Dưới 5 năm	
	- Từ 5 – 10 năm	
	- Từ 10 – 15 năm	
	- Trên 15 năm	
6	Độ tuổi	
	- Dưới 30 tuổi	
	- Từ 30 – 55 tuổi	
	- Trên 55 tuổi	
7	Tổng số chi hội trưởng là tín đồ tôn giáo	
8	Tổng số chi hội trưởng là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam	
9	Trình độ giáo dục phổ thông	

	- Tiểu học	
	- Trung học cơ sở	
	- Trung học phổ thông	
10	Trình độ chuyên môn	
	- Không có trình độ chuyên môn	
	- Trình độ sơ cấp	
	- Trình độ trung cấp	
	- Trình độ cao đẳng	
	- Trình độ đại học	

ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 3

THỰC TRẠNG PHỤ CẤP, MỨC HỖ TRỢ CHI HỘI TRƯỞNG PHỤ NỮ

(Số liệu cập nhật đến 9/2022)

Sau khi có Nghị quyết 53/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định			
I. Đối với đội ngũ chi hội trưởng hiện tại			
Còn phụ cấp		Không có phụ cấp	Mức hỗ trợ của địa phương *(nếu có ghi cụ thể)*
Giữ nguyên phụ cấp	Giảm phụ cấp		
II. Đối với đội ngũ chi hội trưởng nghỉ công tác sau sắp xếp, sáp nhập thôn (xóm), tổ dân phố			
Tổng số chi hội trưởng nghỉ công tác	Số chi hội trưởng đã được nhận mức hỗ trợ theo mục 5 Điều 1 Nghị quyết số 53	Số chi hội trưởng được nhận hỗ trợ chưa theo mức quy định Nghị quyết 53	Số chi hội trưởng chưa được nhận hỗ trợ
....	.....	.....	.....

HỘI LHPN .....

Biểu số 4

BIỂU TỔNG HỢP HỘI VIÊN TỪ CÁC CHI HỘI

(Số liệu tính đến tháng 9/2022)

TT	Đơn vị	Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên				Tổng số hội viên	Hội viên phân theo đối tượng/loại hình tập hợp			Hội viên phân theo độ tuổi				Tỷ lệ tập hợp hội viên (Tổng số hội viên/Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên)
		Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên	Trong đó số PN từ 18 tuổi trở lên là học sinh, sinh viên	Số PN từ 70 tuổi trở lên	Số PN từ 18 tuổi trở lên đi làm ăn xa ở tỉnh khác từ 1 năm		Hội viên theo địa bàn dân cư	Hội viên đương nhiên (HV là đoàn viên công đoàn)	Hội viên theo mô hình CLB, tổ, nhóm đặc thù	Dưới 30 tuổi	Từ 30 đến 54 tuổi	Từ 55 tuổi đến dưới 70 tuổi	Từ 70 tuổi trở lên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1	Chi hội 1													
2	Chi hội 2													
3	.....													
Tổng cộng														

Lưu ý: - Cột (3) = (4) + (5) + (6) ; Mỗi Phụ nữ chỉ được tính một lần.

- Cột (7) = (8) + (9) + (10) = (11) + (12) + (13) + (14) ; Mỗi hội viên chỉ được tính một lần.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

(Ký tên, đóng dấu)

HỘI LHPN ……..

Biểu số 7

BIỂU TỔNG HỢP PHỤ NỮ KHÔNG CÓ ĐIỀU KIỆN THAM GIA SINH HOẠT HỘI

(Số liệu tính đến tháng 9/2022)

TT	Đơn vị	Số lượng	Trong đó (phân tích theo thành phần)												Ghi chú
			PN đã là HV nhưng không có thời gian tham gia các kỳ sinh hoạt Hội						PN chưa là HV						
			Số lượng	Đi làm xa	PN làm kinh doanh	Nữ công nhân	Nữ CNVC	Số PN có nhu cầu tham gia hoạt động Hội qua không gian mạng	Số lượng	Đi làm xa	PN làm kinh doanh	Nữ công nhân	Nữ CNVC	Số PN có nhu cầu tham gia hoạt động Hội qua không gian mạng	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(19)*
1	Chi hội 1														
2	Chi hội 2														
3	…..														
Tổng cộng															

Lưu ý: - Cột (3) = (4) + (10) ; Trong đó.

- Cột (4) = (5) + (6) + (7) + (8) ; Mỗi thành phần hội viên chỉ được tính một lần.
- Cột (10) = (11) + (12) + (13) + (14); Mỗi thành phần Phụ nữ chỉ được tính một lần.

Ghi chú (Cột HV/PN làm kinh doanh cần ghi rõ địa điểm kinh doanh.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

HỘI LHPN .....

Biểu số 8

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÔN GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến tháng 9/2022)

TT	Đơn vị	Số tôn giáo chính	Trong đó (phân tích theo thành phần)																Ghi chú *(nếu địa phương có tổ chức lớn của tôn giáo trên địa bàn thì ghi chú rõ: (Phật giáo: Trường Hạ, Trụ sở tọa lạc của Giáo Hội, hoặc Chùa có Tổ đình lớn; nơi trụ trì chính của người có phẩm vị); (Công giáo: Dòng tu, Nhà thờ xứ, ...)*
			Phật giáo								Tôn giáo khác.... (ghi rõ tên tôn giáo)								
			Số Chùa	Số lượng nữ tín đồ	Số hội, đoàn trực thuộc (các tổ chức của Hội			Số lượng chức sắc			Số cơ sở thờ tự *(nếu Công giáo thì ghi rõ số nhà thờ, dòng tu ....)*	Số lượng nữ tín đồ	Số hội, đoàn trực thuộc			Số lượng chức sắc			
					Số lượng hội, đoàn	Số lượng người (nam và nữ)	Số UVBCH, UVBTV, cán bộ Hội là trưởng/phó các hội, đoàn	Tăng	Ni	Số Ni giới là UVBCH, UVBTV Hội LHPN *(ghi rõ cấp nào)*			Số lượng hội, đoàn	Số lượng người (nam và nữ)	Số UVBCH, UVBTV, cán bộ Hội là trưởng/phó các hội, đoàn	Nam	Nữ	Số nữ chức sắc là UVBCH, UVBTV Hội LHPN *(ghi rõ cấp*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(23)*
1																			
2																			
3																			
Tổng cộng																			

TM. BAN THƯỜNG VỤ